

Bản án số: 162/2026/HNGĐ - ST  
Ngày 20-7-2026  
V/v tranh chấp ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Kim Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thanh Thuý

Ông Lê Văn Nghĩa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Liễu Hạnh là Thư ký Toà án của Toà án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2026/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2005

Trú tại: Số 288/5, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh (Trước đây là Số 288/5, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An).

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 2003

Trú tại: Ấp N, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

(Chị D có đơn xin vắng mặt, vắng mặt anh T)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 10 tháng 3 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Nguyễn Quốc T tự nguyện kết hôn vào năm 2024, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp) vào năm 2024. Hôn nhân do tự nguyện. Vợ chồng

chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Anh chị sống ly thân từ đầu năm 2026 đến nay. Nay xét thấy hạnh phúc không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Thùy D có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trọng H, sinh ngày 10/12/2025. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Thùy D yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trọng H, chị D yêu cầu anh Nguyễn Quốc T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Quốc T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn không cung cấp cho Tòa án ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị D.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy D; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trọng H cho chị Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Nguyễn Quốc T là quan hệ tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thùy D có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị D theo quy định. Bị đơn là anh Nguyễn Quốc T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Nguyễn Quốc T tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2024, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp), số đăng ký 83/2024, đăng ký ngày 03 tháng 10 năm 2024 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị D và anh T chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ đầu năm 2026 cho đến nay. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Nguyễn Quốc T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị D yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trọng H, sinh ngày 10/12/2025. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Trọng H, chị D yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, Nguyễn Trọng H dưới 36 tháng tuổi và hiện đang do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, để chị D được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Trọng H.

[5] Xét yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con, tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định: “Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”. Anh Nguyễn Quốc T đang cư trú tại Ấp N, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang) thuộc vùng 2 theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ. Chị Nguyễn Thị Thùy D yêu cầu anh Nguyễn Quốc T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét mức yêu cầu cấp dưỡng này của chị D là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh Nguyễn Quốc T cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Trọng H mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi Nguyễn Trọng H thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thùy D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trọng H, sinh ngày 10/12/2025 cho chị Nguyễn Thị Thùy D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Trọng H mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Trọng H thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh Nguyễn Quốc T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004872 ngày 06/4/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp nên chị Nguyễn Thị Thùy D đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Quốc T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 36 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND khu vực 3 – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- UBND xã L, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Kim Hằng**